

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội; lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Quyết định số 1724/QĐ-LĐTBXH ngày 24/11/2015 về việc công bố các thủ tục hành chính lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số 1603/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2018 về công bố thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực bảo trợ xã hội, giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số 313/QĐ-LĐTBXH ngày 15/3/2019 về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bãi bỏ lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2019 về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 61/TTr-SLĐTBXH ngày 06/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội và lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội mới ban hành,

sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Bãi bỏ 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được công bố tại Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 12/8/2015, Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 và Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */H*

Nơi nhận: *Đ*

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VP Chính phủ (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn
(do UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KSTTHC(GL 6).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

DANH MỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI; LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI MỚI
BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1477~~ /QĐ-UBND ngày **18** /6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

A. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã					
01	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) của UBND cấp xã	Không	- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26/8/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;
02	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát hộ cận nghèo trong năm	07 ngày làm việc	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	Không	- Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã					
01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.
02	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc			

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (đã được công bố tại Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)		
01	Thủ tục cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho đối tượng học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục Đại học ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục Đại học thuộc doanh nghiệp Nhà nước	Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020-2021.

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (đã được công bố tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

01	Thủ tục điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi Quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
02	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú	
03	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng	
04	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú	
05	Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội đối với đối tượng (trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV, người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật)	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
06	Thủ tục thực hiện xác định mức độ khuyết tật	- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.
07	Thủ tục thực hiện xác định lại mức độ khuyết tật	
08	Thủ tục cấp giấy xác nhận khuyết tật	

B. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội					
01	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc	Bộ phận TN&TKQ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Địa chỉ: Số 23 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người.
02	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Bộ phận TN&TKQ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Địa chỉ: Số 23 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	
03	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Bộ phận TN&TKQ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Địa chỉ: Số 23 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	
04	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc	Bộ phận TN&TKQ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Địa chỉ: Số 23 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	
05	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc	Bộ phận TN&TKQ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Địa chỉ: Số 23 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đã công bố tại Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)		
01	Cấp Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	- Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ; - Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2011.
02	Gia hạn Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	